

**NGHIÊN CỨU PHÂN LOẠI CHI HỔ NHO - *AMPELOCISSUS* Planch.,  
HỌ NHO - VITACEAE Juss. Ở VIỆT NAM**

**NGUYỄN THẾ CƯỜNG**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Trên thế giới, chi *Ampelocissus* Planch. có khoảng 90 -95 loài, phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới châu Á, châu Phi, Trung Mỹ và châu Đại Dương. Các công trình nghiên cứu phân loại chi *Ampelocissus* Planch. của các tác giả trên thế giới phải kể đến như Planchon J. E. (1884, 1887), Suessenguth K. (1953), Lombardi J. A. (2000). Trong khu vực, có một số kết quả nghiên cứu phân loại chi *Ampelocissus* Planch. của Backer C. A. & Bakhuizen van den Brink C. R. (1965) và Li C. L. (1998). Ở Việt Nam, có một số công trình công bố về kết quả nghiên cứu phân loại có liên quan đến chi *Ampelocissus* Planch. như Gagnepain F. (1912) và Phạm Hoàng Hộ (1992, 2000). Tuy nhiên, hiện nay số lượng loài và danh pháp của một số taxon thuộc chi *Ampelocissus* Planch. ở Việt Nam đã có sự thay đổi; vùng phân bố, mẫu nghiên cứu của các loài cần được cập nhật. Do đó, chúng tôi lựa chọn: Nghiên cứu phân loại chi Hổ nho - *Ampelocissus* Planch., họ Nho - Vitaceae Juss. ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu này góp phần hoàn thiện kết quả nghiên cứu phân loại toàn bộ họ Nho - Vitaceae Juss. ở Việt Nam.

**I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Phương pháp nghiên cứu được chúng tôi sử dụng là phương pháp hình thái so sánh. Các đặc điểm hình thái được sử dụng để xây dựng khoá định loại là những đặc điểm của những cơ quan ổn định, ít bị biến đổi, chủ yếu là cơ quan sinh sản. Khoá định loại được xây dựng theo kiểu khoá lưỡng phân.

**II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, chi Hổ nho - *Ampelocissus* Planch. ở Việt Nam hiện được ghi nhận có 6 loài. Dưới đây là toàn bộ khoá định loại, danh pháp, vùng phân bố và mẫu nghiên cứu các loài thuộc chi Hổ nho - *Ampelocissus* Planch. ở Việt Nam.

***Ampelocissus* Planch. nom. cons. - Hổ nho**

Planchon 1884. Vigne Amér. Vitic. Eur. 8: 371; id. 1887. Monogr. Phan. 5: 368; Gagnep. 1912. Fl. Gen. Indoch. 1: 989; id., 1950. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 907; Suess. 1953. Nat. Pflanzenfam. 20d: 299; Back. & Bakh. f. 1965. Fl. Java 2: 87; L. C. Li, 1998. Fl. Reip. Pop. Sin. 48(2): 131; N. H. Hien, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 1145; R. Hui & J. Wen, 2007. Fl. China, 12: 208.

**Synonym:** *Botria* Lour. 1790. Fl. Cochinch. 153; *Botrya* Juss. 1817. Mem. Mus. Paris 3: 444.

Dây leo, tua cuốn đối diện lá hoặc ở cuống cụm hoa. Lá đơn hoặc kép chân vịt, có lá kèm. Cụm hoa dạng tháp, chùy hoặc bông chùm, cuống cụm hoa luôn có tua cuốn. Hoa lưỡng tính, hiếm khi tạp tính, đài hình chén, cánh hoa 5, nhị đối diện với cánh hoa, bao phấn 2 ô, đính lưng, triển đính quanh phía gốc bầu, bầu 2 ô, mỗi ô 2 noãn. Quả mọng. Hạt 1-4.

**Typus:** *A. latifolia* (Roxb.) Planch.

**Khoá định loại các loài thuộc chi *Ampelocissus* Planch. ở Việt Nam**

- 1A. Cụm hoa dạng tháp hoặc chùy
- 2A. Phiến lá ngắn hơn 5 cm; cụm hoa nhỏ, phần mang hoa cỡ 1-3 cm, ít hoa; hạt đơn. .... 1. *A. harmandii*
- 2B. Phiến lá dài hơn 10 cm; cụm hoa to, phần mang hoa dài hơn 5 cm, nhiều hoa; hạt 2-4.
- 3A. Gốc lá hình tim hẹp hoặc lõp; cụm hoa thông, hoa thưa, phần mang hoa không tạo thành khối hình trứng hoặc hình tháp..... 2. *A. barbata*
- 3B. Gốc lá hình tim hoặc hình thận; cụm hoa không thông, hoa dày, phần mang hoa tạo thành khối hình trứng hoặc hình tháp
- 4A. Phiến lá nguyên hoặc có 3-5 thùy nông; nụ hoa có lông mịn. .... 3. *A. arachnoidea*
- 4B. Phiến lá xẻ 3-5 thùy sâu; nụ hoa không có lông. .... 4. *A. martini*
- 1B. Cụm hoa dạng bông chùm
- 5A. Lá kép chân vịt 5-7 lá chét, cuống lá chét dài 1,8-2 cm; quả hình trứng ngược ..... 5. *A. polythyrsa*
- 5B. Lá kép chân vịt 3 lá chét, đôi khi có xen lẫn lá đơn, cuống lá chét rất ngắn, lá chét bên không cuống; quả hình cầu. .... 6. *A. thyrsiflora*.

**1. *Ampelocissus harmandii* Planch. - Hồ nho hardman**

Planch. 1884. Vigne Amér. Vitic. Eur. 8: 378; id. 1887. Monogr. Phan. 5: 378; Gagnep. 1912. Fl. Gen. Indoch. 1: 995; id., 1950. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 909; Suesseng., 1953. Nat. Pflanzenfam. 20d: 305; Phamh. 1992. Illustr. Fl. Vietn. 2: 594; ed. 2000. 1. c. 2: 475; N. H. Hien, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 1145.

*Synonym:* *Vitis hardmandii* (Planch.) Ridl. 1922. Fl. Malay. Penin. 1: 471.

*Loc. class.:* Laos. *Typus:* Harmand s.n. (P).

*Sinh học và sinh thái:* Có hoa tháng (12)1-3, quả chín tháng 5-6.

*Phân bố:* Khánh Hoà (Nha Trang), Ninh Thuận (Phan Rang, Cà Ná), Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), Đồng Nai (Biên Hoà, Giá Ray, Trảng Bom). Còn có ở Lào.

*Mẫu nghiên cứu:* KHÁNH HOÀ, Evrard 638 (VNM). - NINH THUẬN, Poilane 5581 (VNM). - BÀ RIJA-VŨNG TÀU, N. T. Bân & al. 719 (HN).

**2. *Ampelocissus barbata* (Wall.) Planch. - Hồ nho trâu**

Planch. 1887. Monogr. Phan. 5: 372; Gagnep. 1912. Fl. Gen. Indoch. 1: 993; id., 1950. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 909; Suesseng., 1953. Nat. Pflanzenfam. 20d: 305; Phamh. 1992. Illustr. Fl. Vietn. 2: 594; ed. 2000. 1. c. 2: 474; N. H. Hien, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 1145.

*Synonym:* *Vitis barbata* Wall. in Roxb. 1824. Fl. Ind. ed. 2: 478; *Ampelocissus hoabinhensis* C. L. Li, 1997. Acta. Phytotax. Sin. 35: 554.

*Loc. class.:* Reg. Himal.; Burma

*Sinh học và sinh thái:* Có hoa tháng 5-7, quả chín tháng 9-10. Mọc trên núi đá vôi.

*Phân bố:* Hoà Bình, Ninh Bình. Còn có ở Ấn Độ, Nêpan, Mianma, Trung Quốc và Lào.

*Mẫu nghiên cứu:* HOÀ BÌNH, M. Colani 3210 (VNM).

**3. *Ampelocissus arachnoidea* (Hassk.) Planch. - Hồ nho nhện**

Planch. 1884. Vigne Amér. Vitic. Eur. 8(12): 375; id. 1887. Monogr. Phan. 5: 375; Gagnep. 1912. Fl. Gen. Indoch. 1: 991; id., 1950. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 910; Suesseng., 1953. Nat. Pflanzenfam. 20d: 304; Back. & Bakh. f. 1965. Fl. Java 2: 87; Phamh. 1992. Illustr. Fl. Vietn. 2: 593; ed. 2000. l. c. 2: 474; N. H. Hien, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 1145.

**Synonym:** *Cissus arachnoidea* Hassk. 1844. Cat. Hort. Bot. Bogor. Cult. 166; *Ampelopsis indica* Blume, 1825. Bijdr. 193; *Ampelocissus rubriflora* Gagnep. 1945. Bull. Soc. Bot. France 92: 166.

**Sinh học và sinh thái:** Có hoa tháng 5-6, quả chín tháng 8-10. Cây ưa sáng, thường mọc ở ven rừng hoặc rừng thưa.

**Phân bố:** Quảng Trị, Khánh Hoà (Nha Trang), Ninh Thuận (Phan Rang, Cà Ná, Bà Rịa), Bà Rịa-Vũng Tàu (Côn Đảo), Tây Ninh, Bình Dương (Thủ Dầu Một), Kiên Giang (Phú Quốc). Còn có ở Campuchia và Indônêxia.

**Mẫu nghiên cứu:** QUẢNG TRỊ, Poilane 12114 (VNM). - KHÁNH HOÀ, Poilane 2629 (VNM). - BÀ RIJA-VŨNG TÀU, T. T. Bách & al. VK 3783 (HN). - TÂY NINH, Poilane 600 (VNM). - BÌNH DƯƠNG, Poilane 17379 (IBSC). - KIÊN GIANG, Poilane 27624 (IBSC); V. X. Phương 10207 (HN).

**4. *Ampelocissus martini* Planch. - Hồ nho martin**

Planch. 1887. Monogr. Phan. 5: 373; Gagnep. 1912. Fl. Gen. Indoch. 1: 992; id., 1950. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 909; Suesseng., 1953. Nat. Pflanzenfam. 20d: 305; Phamh. 1992. Illustr. Fl. Vietn. 2: 593; ed. 2000. l. c. 2: 474; N. H. Hien, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 1145.

**Synonym:** *Vitis barbata* Roxb. var. *triloba* King, 1896. Journ. Asiat. Soc. Bengal. Part 2. Nat. Hist. 64: 388.

**Loc. class.:** Thailand. **Typus:** s.c.s.n. (P).

**Sinh học và sinh thái:** Có hoa tháng 5-7, quả chín tháng 8-10. Cây ưa sáng, thường mọc ở ven rừng hoặc rừng thưa.

**Phân bố:** Đắk Lắk (Yok Đôn), Khánh Hoà (Nha Trang), Ninh Thuận (Phan Rang, Phan Rí), Bình Thuận (Đức Linh), Bình Dương (Thủ Dầu Một, Hớn Quản), Đồng Nai (Bảo Chánh, Vĩnh Cửu), Tp. Hồ Chí Minh (Thủ Đức). Còn có ở Thái Lan, Campuchia, Philippin.

**Mẫu nghiên cứu:** ĐẮK LẮK, N. N. Thìn & cs. NT 04072248 (HNU). - KHÁNH HOÀ, Chevalier 38924 (VNM). - NINH THUẬN, Poilane 156 (VNM). - BÌNH THUẬN, T. T. Bách & cs. VK 3054 (HN). - ĐỒNG NAI, N. A. Đức & c.s. HĐ 03051329 (HNU).

**5. *Ampelocissus polythyrse* (Miq.) Gagnep. - Hồ nho chùm kép**

Gagnep. 1911. Bull. Soc. Hist. Nat. Autun: 18-20; id. 1912.. Fl. Gen. Indoch. 1: 990; id. 1950. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 908; Phamh. 1992. Illustr. Fl. Vietn. 2: 595; ed. 2000. l. c. 2: 475; N. H. Hien, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 1145.

**Synonym:** *Vitis polythyrse* Miq. 1863. Ann. Mus. Bot. Lugd. Bat. 1: 89; *Vitis compositifolia* Wall. ex Laws. 1872. Fl. Brit. Ind. 1: 659; *Ampelocissus compositifolia* (Wall. ex Laws.) Planch. 1887. Monogr. Phan. 5: 412

**Loc. class.:** Sumatra

**Sinh học và sinh thái:** Có hoa tháng 3-5, quả chín tháng 7-9.

**Phân bố:** Quảng Trị, Đà Nẵng (Bà Nà), Quảng Nam (Gò Ôi), Gia Lai (An Khê), Kiên Giang (Phú Quốc). Còn có ở Ấn Độ, Thái Lan, Malayxia và Indônêxia.

**Mẫu nghiên cứu:** QUẢNG TRỊ, Poilane 31532 (VNM). - GIA LAI, LX-VN 584 (HN).

**6. *Ampelocissus thyrsoiflora* (Blume) Planch. – Hồ nho bông chùm**

Planch. 1887. Monogr. Phan. 5: 409; Gagnep. 1950. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 908; Back. & Bakh. f. 1965. Fl. Java 2: 87; Phamh. 1992. Illustr. Fl. Vietn. 2: 595; ed. 2000. l. c. 2: 475; N. H. Hien, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 1146.

**Synonym:** *Cissus thyrsoiflora* Blume, 1825. Bijdr. 187; *Vitis thyrsoiflora* Miq. 1863. Ann. Mus. Lugd. Bat. 1: 88; *Ampelocissus banaensis* Gagnep. 1945. Bull. Soc. Bot. France 92: 165.

**Loc. class.:** Java

**Sinh học và sinh thái:** Có hoa tháng 3-5, quả chín tháng 7-9.

**Phân bố:** Đà Nẵng (Bà Nà), Quảng Nam (Khu BTTN Sông Thanh). Còn có ở Ấn Độ, Malayxia, Singapo và Indônêxia.

**Mẫu nghiên cứu:** ĐÀ NẴNG, Poilane 7365 & 29277 (VNM); V. X. Phuong 8655 (HN). - Quảng Nam, N. T. Cường 16 (HN).

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. **Gagnepain F. [Gagnep.] in H. ecomte**, 1912: Flore Générale de L'Indo-Chine, Masson et C1e, Editeurs, Paris, 1: 989-996.
2. **Nguyễn Hữu Hiến (Chủ biên: Nguyễn Tiến Bản)**, 2004: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, 2, tr. 1145-1146.
3. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000: Cây cỏ Việt Nam (An Illustrated Flora of Vietnam), NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, quyển 2: 474-475.
4. **Li C. L.**, 1998: Flora Reipublicae Popularis sinicae, Science Press, Pekin, (in Chinese), 48(2): 131-136.
5. **Lombardi J. A.**, 2000: Flora Neotropica Monograph 80. Vitaceae: Gêneros Ampelocissus, Ampelopsis e Cissus, The New York Botanical Garden Bronx, New York, pp. 15-27.
6. **Planchon J. E. [Planch.] in De Candolle**, 1887: Monographiae Phanerogamarum, Sumptibus G. Masson, Parisiis, 5: 368-416.
7. **Suessenguth K. [Suess.] in A. Engler & A. Prantl**, 1953: Die Natürlichen Pflanzenfamilien, Duncker & Humblot/Berlin, 20d: 299-309.
8. **Zhiduan C., R. Hui, & J. Wen**, 2007: Flora of China, Missouri Botanical Garden Press, St. Louis, vol. 12, p. 208-210.

**STUDY ON CLASSIFICATION OF GENUS *AMPELOCISSUS* Planch.  
(VITACEAE Juss.) IN VIETNAM**

NGUYEN THE CUONG

SUMMARY

Genus *Ampelocissus* (Vitaceae) was first described by Planchon J. E. (1887). This genus is different to the others by inflorescence a panicle or thyrse leaf-opposed and tendril-bearing. A genus of 90-95 species, occur in tropical Asia, Africa, Central America and Oceania. In this study, we established the key to 6 species of this genus in Vietnam. And the others information are included as nomenclature, ecological and biological characters, distribution and voucher specimens.